



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

PHỤ LỤC: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	Ghi chú
Điều 2	<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <p>5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:</p>	<p>Điều 2. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Nguyên tắc tổ chức họp và thông qua nghị quyết</p> <p>3. Các hình thức thông qua nghị quyết</p> <p>4. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Tổ chức họp bằng phương thức điện tử</p> <p>6. Áp dụng Điều lệ</p> <p>Các nội dung chi tiết về trình tự, thủ tục tổ chức họp và thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 3	<p>Điều 3. Hội đồng quản trị</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).</p> <p>2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây</p> <p>3. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị Theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty</p> <p>4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 3. Hội đồng quản trị</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ</p> <p>2. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>5. Thủ lao và lợi ích</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>7. Công bố thông tin</p> <p>8. Người phụ trách quản trị công ty</p>	Sửa đổi cho phù hợp

	<p>bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:</p>		
Điều 4	<p>Điều 4. Ban kiểm soát</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây</p>	<p>Điều 4. Ban Kiểm soát</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ</p> <p>2. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>3. Thành viên ban kiểm soát</p> <p>4. Trưởng ban kiểm soát</p> <p>5. Thủ lao và lợi ích</p> <p>6. Cơ chế phối hợp</p> <p>7. Công bố thông tin</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 5	<p>Điều 5. Giám đốc điều hành</p> <p>1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</p> <p>2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc</p>	<p>Điều 5. Giám đốc điều hành</p> <p>1. Vai trò và trách nhiệm</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ</p> <p>3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm</p> <p>4. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện</p> <p>5. Thủ lao và lợi ích</p> <p>6. Công bố thông tin</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 6	<p>Điều 6. Các hoạt động khác</p> <p>1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</p>	<p>Điều 6. Cơ chế phối hợp và kiểm soát</p> <p>1. Nguyên tắc phối hợp</p> <p>2. Cơ chế cung cấp thông tin</p> <p>3. Cơ chế báo cáo và xin ý kiến</p> <p>4. Cơ chế giám sát</p> <p>5. Cơ chế triệu tập và trao đổi</p> <p>6. Đánh giá, khen thưởng và kỷ luật</p>	Sửa đổi cho phù hợp
	<p>Điều 7. Hiệu lực thi hành</p>	<p>Điều 7. Xung đột lợi ích và giao dịch với người có liên quan</p> <p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>2. Công khai lợi ích liên quan</p> <p>3. Hạn chế tham gia quyết định</p> <p>4. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>5. Kiểm soát và giám sát</p>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

		<p>6. Trách nhiệm và xử lý vi phạm</p> <p>Điều 8. Công bố thông tin</p> <p>1. Nguyên tắc công bố thông tin</p> <p>2. Trách nhiệm công bố thông tin</p> <p>3. Phạm vi công bố thông tin</p> <p>4. Hình thức công bố thông tin</p> <p>5. Áp dụng pháp luật</p> <p>Điều 9. Bảo mật và lưu trữ thông tin</p> <p>Điều 10. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện</p>	
--	--	--	--



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 14 tháng 5 năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-GTM ngày 14 tháng 5 năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty - Công ty cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (sửa đổi bổ sung lần thứ 1) với các nội dung sau đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty này quy định về:

- Nguyên tắc quản trị công ty;
- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;
- Trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
- Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Các nội dung quản trị công ty khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với:

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Giám đốc và người điều hành khác;
- Cổ đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc tổ chức họp và thông qua nghị quyết

Việc tổ chức họp và thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Bảo đảm quyền tham dự, biểu quyết hợp pháp của cổ đông;
- Công khai, minh bạch, chính xác và kịp thời;
- Bảo đảm kiểm soát, lưu trữ và công bố thông tin theo quy định.

3. Các hình thức thông qua nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng các hình thức sau:

- a) Biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp;
- b) Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- c) Họp trực tuyến;
- d) Họp kết hợp trực tiếp và trực tuyến;
- đ) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập, tổ chức họp và thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Thẩm quyền triệu tập;
- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Thông báo triệu tập họp;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu họp;
- Đăng ký tham dự và ủy quyền tham dự;
- Điều kiện tiến hành cuộc họp;
- Cách thức biểu quyết và kiểm phiếu;
- Thông qua nghị quyết;
- Lập biên bản và công bố thông tin.

5. Tổ chức họp bằng phương thức điện tử

Công ty được tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến khi đáp ứng điều kiện về kỹ thuật và theo quy định của pháp luật.

Việc tham dự, biểu quyết và kiểm phiếu bằng phương thức điện tử có giá trị pháp lý tương đương với việc tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

6. Áp dụng Điều lệ

Các nội dung chi tiết về trình tự, thủ tục tổ chức họp và thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc hoạt động

Hội đồng quản trị hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;
- Bảo đảm tính độc lập, trung thực, cân trọng và vì lợi ích tốt nhất của Công ty và cổ đông;
- Phân định rõ thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc;
- Bảo đảm kiểm soát xung đột lợi ích và minh bạch trong ra quyết định.

3. Thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị, bảo đảm việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thù lao và lợi ích

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Việc triệu tập, tổ chức họp, điều kiện tiến hành, biểu quyết, thông qua nghị quyết và lập biên bản họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp các hình thức theo quy định của pháp luật.

7. Công bố thông tin

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

8. Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Công ty, bao gồm việc giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và tình hình tài chính của Công ty nhằm bảo đảm hoạt động minh bạch, tuân thủ pháp luật và bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

2. Nguyên tắc hoạt động

Ban kiểm soát hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- Độc lập, khách quan và trung thực trong hoạt động giám sát;
- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;
- Không can thiệp vào hoạt động điều hành hợp pháp của Hội đồng quản trị và Giám đốc;
- Bảo đảm không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát

Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật.

4. Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát được bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát, điều phối công việc giữa các thành viên và ký các báo cáo của Ban kiểm soát.

5. Thù lao và lợi ích

Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Cơ chế phối hợp

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

7. Công bố thông tin

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin liên quan đến việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Giám đốc điều hành

1. Vai trò và trách nhiệm

Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm:

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc và quyết định ký kết, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

4. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thù lao và lợi ích

Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi trả cho Giám đốc được hạch toán vào chi phí của Công ty và được công bố theo quy định của pháp luật.

6. Công bố thông tin

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 6. Cơ chế phối hợp và kiểm soát

1. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc phối hợp hoạt động trên cơ sở:

- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;
- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan;
- Bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và không chồng chéo trong quản lý, điều hành;
- Bảo đảm kiểm soát quyền lực và phòng ngừa xung đột lợi ích.

2. Cơ chế cung cấp thông tin

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành và giám sát theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- Bảo đảm các thông tin được cung cấp là chính xác, trung thực và đúng thời hạn.

Ban kiểm soát được tiếp cận các tài liệu, nghị quyết, biên bản họp của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cơ chế báo cáo và xin ý kiến

Giám đốc có trách nhiệm:

- Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị của Công ty cho Hội đồng quản trị;
- Báo cáo các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật;
- Xin ý kiến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với các vấn đề vượt thẩm quyền hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty.

4. Cơ chế giám sát

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua:

- Báo cáo định kỳ;
- Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- Các cuộc họp và các hình thức kiểm tra, giám sát khác.

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Cơ chế triệu tập và trao đổi

Ban kiểm soát và Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Việc triệu tập, tổ chức họp và thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

6. Đánh giá, khen thưởng và kỷ luật

Việc đánh giá, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác được thực hiện theo:

- Quy định của pháp luật;
- Điều lệ Công ty;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Điều 7. Xung đột lợi ích và giao dịch với người có liên quan

1. Nguyên tắc chung

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ:

- Trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích tốt nhất của Công ty;
- Tránh các xung đột lợi ích giữa cá nhân và Công ty;
- Không lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc sử dụng thông tin, cơ hội kinh doanh của Công ty để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc của tổ chức, cá nhân khác.

2. Công khai lợi ích liên quan

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải:

- Kê khai đầy đủ, trung thực các lợi ích liên quan của mình và người có liên quan;
- Thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch mà mình hoặc người có liên quan có lợi ích;
- Cập nhật thông tin khi có thay đổi theo quy định của pháp luật.

3. Hạn chế tham gia quyết định

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác:

- Không được tham gia thảo luận và biểu quyết đối với các giao dịch mà mình hoặc người có liên quan có lợi ích;

- Phải tuân thủ quy định về kiểm soát xung đột lợi ích theo Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

4. Giao dịch với người có liên quan

Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan phải:

- Được công bố đầy đủ, minh bạch theo quy định của pháp luật;
- Được phê duyệt đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty;
- Bảo đảm điều kiện giao dịch không bất lợi hơn so với giao dịch với bên độc lập.

5. Kiểm soát và giám sát

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm:

- Giám sát việc tuân thủ quy định về xung đột lợi ích và giao dịch với người có liên quan;
- Phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Trách nhiệm và xử lý vi phạm

Cá nhân vi phạm quy định về xung đột lợi ích và giao dịch với người có liên quan phải:

- Chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại gây ra cho Công ty;
- Hoàn trả các lợi ích thu được từ hành vi vi phạm;
- Chịu các hình thức xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Công bố thông tin

1. Nguyên tắc công bố thông tin

Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và minh bạch theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Trách nhiệm công bố thông tin

Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm:

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật;
- Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin được công bố;
- Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố.

3. Phạm vi công bố thông tin

Công ty thực hiện công bố các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn:

- Báo cáo tài chính;
- Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Thông tin về nhân sự quản lý;
- Các giao dịch có liên quan;
- Các thông tin bất thường theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức công bố thông tin

Thông tin được công bố thông qua:

- Trang thông tin điện tử của Công ty;
- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Các phương tiện khác theo quy định của pháp luật.

5. Áp dụng pháp luật

Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan.

Điều 9. Bảo mật và lưu trữ thông tin

1. Nguyên tắc bảo mật

Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm:

- Bảo mật thông tin chưa được công bố của Công ty;
- Không sử dụng thông tin nội bộ để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc của bên thứ ba;
- Không tiết lộ thông tin cho tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi thông tin bảo mật

Thông tin bảo mật bao gồm nhưng không giới hạn:

- Thông tin tài chính chưa công bố;
- Kế hoạch kinh doanh, chiến lược phát triển;
- Thông tin về giao dịch, hợp đồng;
- Thông tin về nhân sự quản lý;
- Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm quản lý và sử dụng thông tin

Người được tiếp cận thông tin có trách nhiệm:

- Sử dụng thông tin đúng mục đích, đúng thẩm quyền;
- Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trong quá trình sử dụng;

- Chịu trách nhiệm về việc để lộ, mất hoặc sử dụng sai mục đích thông tin.

4. Lưu trữ thông tin

Công ty thực hiện lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- Điều lệ Công ty và các sửa đổi, bổ sung;
- Nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Báo cáo tài chính và các tài liệu kế toán;
- Hồ sơ pháp lý, hợp đồng và các tài liệu liên quan khác.

Việc lưu trữ được thực hiện tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm khả năng tra cứu khi cần thiết.

5. Xử lý vi phạm

Cá nhân vi phạm quy định về bảo mật và lưu trữ thông tin phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ có liên quan.

Điều 10. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) gồm mười (10) điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 05 năm 2026.

2. Quy chế này thay thế các quy chế nội bộ về quản trị công ty trước đây trái với nội dung Quy chế này (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp có sự khác nhau giữa Quy chế này với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, thì quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Bình



CÔNG TY CP TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

PHỤ LỤC: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	Ghi chú
Điều 3	<p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm:</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 4.	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, người quản lý và các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty.</p> <p>2. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời; trường hợp không thể cung cấp hoặc chậm cung cấp phải thông báo và nêu rõ lý do.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

Khoản 1,3 Điều 5	<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng Hội đồng quản trị là 4 thành viên.</p> <p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p> <p>4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</p>	<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên.</p> <p>3. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới chưa được bầu, các thành viên đương nhiệm tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 6	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 7	<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo Điều 29 Điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của Công ty.</p>	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp
Điều 16	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>	Bổ sung cho phù hợp
Điều 23	<p>Điều 23. Hiệu lực thi hành</p>	<p>Điều 23. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện</p>	Sửa đổi cho phù hợp



DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 5 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-GTM ngày 14/05/2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (sửa đổi, bổ sung lần thứ 1) với các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (HDQT) và các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân và liên đới trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật đối với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị giao Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm:

a) Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp và có ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo đầy đủ, kịp thời với Hội đồng quản trị về các khoản thù lao nhận được từ các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị về các giao dịch có liên quan đến mình và người có liên quan theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, người quản lý và các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty.

2. Người được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời; trường hợp không thể cung cấp hoặc chậm cung cấp phải thông báo và nêu rõ lý do.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm năm (05) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp các thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới chưa được bầu, các thành viên đương nhiệm tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty và một số quy định như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật pháp, Điều lệ công ty và những vấn đề khác mà Luật Doanh nghiệp quy định thuộc thẩm quyền của chủ tịch HĐQT

a) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản nhân danh Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

b) Có quyền đình chỉ các quyết định của giám đốc khi phát hiện các quyết định này trái với các quy định của pháp luật hoặc quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Quyết định cử thành viên HĐQT đi công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài.

2. Để thuận lợi trong việc quản lý và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các công việc liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời báo cáo kết quả công việc đã giải quyết tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo Điều 29 Điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị **không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc** của Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ thu thập, xử lý thông tin, cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề

cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
-

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, thay mặt ĐHCĐ quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo điều 27 Điều lệ công ty

a) Quyết định mua lại cổ phần không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

b) Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định hàng năm hoặc bất thường phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty do Giám đốc đề xuất;

c) Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ của công ty, ngoại trừ các quy chế, quy định sau:

- Quy trình kế toán và lập báo cáo tài chính;
 - Nội quy của công ty, Thỏa ước lao động tập thể của công ty;
 - Quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của Công ty;
 - Quy định về công tác tuyển dụng nhân sự tại công ty;
-

- Quy định về công tác đào tạo, huấn luyện tại công ty;
- Quy chế tổ chức Hội nghị người lao động;
- Các quy chế mà Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Tổng giám đốc phê duyệt, ban hành.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo khoản 2 điều 18 Điều lệ Công ty

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Khi cần thiết hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác
- b) Có đề nghị của ít nhất 02/5 thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

7. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
-

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

2. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo. Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện công việc được phân công, trường hợp đặc biệt phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch Hội đồng quản trị để xem xét giải quyết.

4. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mỗi quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mỗi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất) gồm bảy (07) chương hai mươi ba (23) điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 05 năm 2026.

2. Quy chế này thay thế các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty trước đây trái với nội dung Quy chế này (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các cá nhân, bộ phận có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp có sự khác nhau giữa Quy chế này với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, thì quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty được ưu tiên áp dụng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Bình



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

PHỤ LỤC: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	Ghi chú
Điều 2	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.	Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát hoạt động theo các nguyên tắc sau: 1. Làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; 2. Hoạt động độc lập, khách quan, trung thực và vì lợi ích của Công ty và cổ đông; 3. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về hoạt động của Ban Kiểm soát; 4. Không bị can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Làm rõ hơn nguyên tắc hoạt động
Điều 5	Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;	Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động giám sát.	Cập nhật theo điều lệ

	<p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p> <p>đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p>		
Điều 6	<p>Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số;</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: Ngoài quyền và nghĩa vụ đã được quy định tại khoản 2, điều 37 và các điều khoản khác của Điều lệ Công ty, Trưởng ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tổ chức xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và ký ban hành Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản, quyết định nhân danh Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập kế hoạch và triển khai thực hiện giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, hàng năm;</p> <p>d. Chủ trì triển khai các kỳ kiểm tra, giám sát và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát; • Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất; • Phân công nhiệm vụ cho các thành viên; • Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát; • Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản và báo cáo; • Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác theo quy định; • Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 	Sửa đổi cho phù hợp

	<p>Chịu trách nhiệm đôn đốc các thành viên Ban kiểm soát triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>f. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát. Chuẩn bị chương trình, nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát;</p> <p>g. Triển khai các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các quy chế quản lý nội bộ công ty đến các thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>h. Đề nghị Hội đồng quản trị công ty họp phiên bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>i. Trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị, giám đốc về các nội dung trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi chính thức báo cáo Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>k. Thay mặt Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty</p>		
Điều 7	<p>Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 điều 35 Điều lệ Công ty</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên theo quy định tại khoản 4 điều 35 Điều lệ công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp số lượng ứng cử viên không đủ, Ban Kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử bổ sung theo quy định.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 8	<p>Điều 8. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Danh sách ứng viên để bầu thành viên Ban kiểm</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm</p> <p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

	<p>soát phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.</p> <p>3. Trước khi bầu cử, mỗi cổ đông hoặc người đại diện cổ đông được phát phiếu bầu trên đó ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông / họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết và danh sách các ứng viên.</p> <p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>2. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
Điều 10	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu</p>	<p>Điều 10. Công bố thông tin</p> <p>Việc công bố thông tin liên quan đến ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

	<p>được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác; e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có). <p>2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.</p>		
Điều 11	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, giám sát tình hình tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội 	<p>Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</p> <p>Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty và giám sát tình hình tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình. 2. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng trong hoạt động quản lý, điều hành và công tác kế toán, tài chính của Công ty. 3. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông. 4. Xem xét sổ sách kế toán, tài liệu và hoạt động của Công ty khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật. 5. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc 	Sửa đổi cho phù hợp

<p>đồng cổ đông.</p> <p>4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>6. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ , yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>8. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu</p>	<p>và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động giám sát.</p> <p>6. Khi phát hiện vi phạm của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người quản lý, phải kịp thời thông báo bằng văn bản và yêu cầu chấm dứt vi phạm, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục.</p> <p>7. Lập và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
--	--	--

	<p>giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>11. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>12. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>13. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
Điều 12	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p> <p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;</p> <p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị .</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban</p>	<p>Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; • Nghị quyết, biên bản họp; • Báo cáo của Giám đốc và các tài liệu liên quan. <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty và làm việc trực tiếp với các bộ phận, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ.</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện trong thời hạn hợp lý kể từ khi nhận được yêu cầu; trường hợp từ chối hoặc chậm cung cấp phải nêu</p>	Sửa đổi cho phù hợp

	kiểm soát.	rõ lý do.	
Điều 14	<p>Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p>Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát phải họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm và có thể họp bất thường khi cần thiết theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc theo đề nghị của thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự.</p> <p>3. Ban Kiểm soát có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và đại diện tổ chức kiểm toán tham dự cuộc họp để cung cấp thông tin, giải trình các vấn đề liên quan.</p> <p>4. Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tổ chức trực tiếp hoặc bằng hình thức trực tuyến, điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Nội dung, chương trình họp phải được thông báo trước cho các thành viên Ban Kiểm soát kèm theo tài liệu liên quan, trừ trường hợp họp khẩn cấp.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 15	<p>Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát</p> <p>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định</p>	<p>Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát</p> <p>1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lập biên bản đầy đủ, trung thực và rõ ràng, phản ánh diễn biến và nội dung cuộc họp.</p> <p>2. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian, địa điểm họp; • Thành phần tham dự; • Nội dung cuộc họp; • Ý kiến của các thành viên; • Kết quả biểu quyết (nếu có). <p>3. Biên bản họp phải được ký bởi tất cả các thành viên tham dự và người ghi biên bản.</p> <p>4. Biên bản họp và tài liệu liên quan phải được lưu</p>	Sửa đổi cho phù hợp

		giữ tại Công ty theo quy định để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và xác định trách nhiệm của các thành viên.	
Điều 16	<p>Điều 16. Trình báo cáo hàng năm</p> <p>Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát. 3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát. 4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. 5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác. 7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban 	<p>Điều 16. Báo cáo của Ban Kiểm soát</p> <p>Ban Kiểm soát có trách nhiệm lập và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên các báo cáo sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; 2. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát; 3. Báo cáo về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát; 4. Tổng hợp kết quả các cuộc họp, kiểm tra, giám sát và các kiến nghị của Ban Kiểm soát; 5. Báo cáo về các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật; 6. Đánh giá việc phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các bộ phận liên quan; 7. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập khi cần thiết. 	Sửa đổi cho phù hợp

	<p>kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.</p> <p>8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p>		
Điều 18	<p>Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo</p>	<p>Điều 18. Công khai lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm kê khai đầy đủ, trung thực các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Việc kê khai và cập nhật thông tin phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát và người có liên quan chỉ được sử dụng thông tin có được từ chức vụ để phục vụ lợi ích của Công ty; không được lạm dụng hoặc tiết lộ thông tin nội bộ để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc bên thứ ba.</p> <p>4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo về các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật; các giao dịch này phải được xem xét, phê duyệt và công bố thông tin theo quy định.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

	<p>bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
Điều 19	<p>Điều 19. Mỗi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Các thành viên Ban Kiểm soát hoạt động độc lập trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình.</p> <p>2. Các thành viên có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động chung của Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối hoạt động chung, phân công nhiệm vụ và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát; không có quyền can thiệp trái quy định vào nhiệm vụ độc lập của các thành viên.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
Điều 20	<p>Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành</p> <p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành. Ban giám đốc là bộ phận chịu trách nhiệm điều hành phát triển chiến lược kinh</p>	<p>Điều 20. Mối quan hệ với Giám đốc và bộ máy điều hành</p> <p>1. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Giám đốc và bộ máy điều hành; thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Công</p>	Sửa đổi cho phù hợp

	doanh của công, đồng thời phối hợp công tác chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ, vì lợi ích của Công ty.	<p>ty.</p> <p>2. Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; • Giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành khi được yêu cầu. <p>3. Ban Kiểm soát và Giám đốc phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và nâng cao hiệu quả quản trị.</p>	
Điều 21	<p>Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị</p> <p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị</p> <p>1. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; • Tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát. <p>3. Ban Kiểm soát có quyền tham dự và phát biểu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	Sửa đổi cho phù hợp



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 5 năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-GTM ngày 14/05/2026;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai với các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Quy chế này áp dụng đối với Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các cá nhân, bộ phận có liên quan trong Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số;
2. Hoạt động độc lập, khách quan, trung thực và vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

3. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về hoạt động của Ban Kiểm soát;

4. Không bị can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định nội bộ của Công ty.

2. Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, khách quan và vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng chức vụ, quyền hạn, không sử dụng thông tin, tài sản, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường; đồng thời hoàn trả cho Công ty các lợi ích thu được từ hành vi vi phạm.

6. Khi phát hiện vi phạm của thành viên Ban Kiểm soát, phải kịp thời thông báo bằng văn bản và yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục.

Điều 4. Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, bao gồm một (01) Trưởng Ban và hai (02) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

5. Trường hợp các thành viên Ban Kiểm soát cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì các thành viên đương nhiệm tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi có thành viên mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động giám sát.

Điều 6. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên;
- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;
- Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản và báo cáo;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác theo quy định;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp số lượng ứng cử viên không đủ, Ban Kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử bổ sung theo quy định.

Điều 8. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10. Công bố thông tin

Việc công bố thông tin liên quan đến ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty và giám sát tình hình tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình.
2. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng trong hoạt động quản lý, điều hành và công tác kế toán, tài chính của Công ty.
3. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Xem xét sổ sách kế toán, tài liệu và hoạt động của Công ty khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật.
5. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động giám sát.
6. Khi phát hiện vi phạm của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người quản lý, phải kịp thời thông báo bằng văn bản và yêu cầu chấm dứt vi phạm, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục.
7. Lập và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - Nghị quyết, biên bản họp;
 - Báo cáo của Giám đốc và các tài liệu liên quan.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty và làm việc trực tiếp với các bộ phận, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ.
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

4. Việc cung cấp thông tin phải được thực hiện trong thời hạn hợp lý kể từ khi nhận được yêu cầu; trường hợp từ chối hoặc chậm cung cấp phải nêu rõ lý do.

Điều 13. Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn luật định khi Hội đồng quản trị không thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không thực hiện đúng trách nhiệm triệu tập họp theo quy định và gây thiệt hại cho Công ty, các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại theo quy định.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm và có thể họp bất thường khi cần thiết theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc theo đề nghị của thành viên Ban Kiểm soát.

2. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự.

3. Ban Kiểm soát có quyền mời thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và đại diện tổ chức kiểm toán tham dự cuộc họp để cung cấp thông tin, giải trình các vấn đề liên quan.

4. Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tổ chức trực tiếp hoặc bằng hình thức trực tuyến, điện tử hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

5. Nội dung, chương trình họp phải được thông báo trước cho các thành viên Ban Kiểm soát kèm theo tài liệu liên quan, trừ trường hợp họp khẩn cấp.

Điều 15. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lập biên bản đầy đủ, trung thực và rõ ràng, phản ánh diễn biến và nội dung cuộc họp.

2. Biên bản họp phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian, địa điểm họp;
- Thành phần tham dự;
- Nội dung cuộc họp;
- Ý kiến của các thành viên;
- Kết quả biểu quyết (nếu có).

3. Biên bản họp phải được ký bởi tất cả các thành viên tham dự và người ghi biên bản.

4. Biên bản họp và tài liệu liên quan phải được lưu giữ tại Công ty theo quy định để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và xác định trách nhiệm của các thành viên.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Báo cáo của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có trách nhiệm lập và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên các báo cáo sau:

1. Báo cáo kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
2. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;
3. Báo cáo về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát;
4. Tổng hợp kết quả các cuộc họp, kiểm tra, giám sát và các kiến nghị của Ban Kiểm soát;
5. Báo cáo về các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật;
6. Đánh giá việc phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các bộ phận liên quan;
7. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền, bao gồm việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập khi cần thiết.

Điều 17. Tiền lương, thù lao và quyền lợi

1. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bao gồm chi phí đi lại, lưu trú và thuê tư vấn độc lập (nếu có), trong phạm vi ngân sách được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí của Công ty theo quy định của pháp luật và được thể hiện riêng trong báo cáo tài chính.

Điều 18. Công khai lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm kê khai đầy đủ, trung thực các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Việc kê khai và cập nhật thông tin phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và người có liên quan chỉ được sử dụng thông tin có được từ chức vụ để phục vụ lợi ích của Công ty; không được lạm dụng hoặc tiết lộ thông tin nội bộ để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc bên thứ ba.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo về các giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật; các giao dịch này phải được xem xét, phê duyệt và công bố thông tin theo quy định.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

1. Các thành viên Ban Kiểm soát hoạt động độc lập trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình.

2. Các thành viên có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động chung của Ban Kiểm soát.

3. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối hoạt động chung, phân công nhiệm vụ và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát; không có quyền can thiệp trái quy định vào nhiệm vụ độc lập của các thành viên.

Điều 20. Mối quan hệ với Giám đốc và bộ máy điều hành

1. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Giám đốc và bộ máy điều hành; thực hiện chức năng giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

2. Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

- Giải trình các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành khi được yêu cầu.

3. Ban Kiểm soát và Giám đốc phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và nâng cao hiệu quả quản trị.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- Tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát.

3. Ban Kiểm soát có quyền tham dự và phát biểu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai gồm bảy (07) chương, hai mươi hai (22) điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 05 năm 2026.

2. Quy chế này thay thế các quy định trước đây của Công ty liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát trái với nội dung của Quy chế này.

3. Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và các cá nhân, bộ phận có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Xuân Hằng